

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 34/2022/HNGĐ-ST

Ngày 17 – 6 – 2022

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Trúc Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Phước.

Ông Hà Văn Châu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Chí Thúc – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Đồ Ngọc Tuyền – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 13/2022/TLST-HNGĐ, ngày 27/01/2022, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con sau khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/5/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trương Thị Ng, sinh năm 1988 (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Khóm M, Phường N, Thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng.

Chỗ ở: Khóm H, Phường N, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 1980 (vắng mặt).

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Khóm M, Phường N, Thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng.

Chỗ ở: Khóm B, Phường T, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 20 tháng 11 năm 2021 và Biên bản ghi lời khai đương sự ngày 18/02/2022 nguyên đơn chị Trương Thị Ng trình bày:

Chị Ng và anh T là vợ chồng có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, giấy chứng nhận kết hôn số 149/2011 quyền số I được Ủy ban nhân dân xã TK, huyện LP, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 30/6/2011. Hôn nhân của anh, chị là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, anh chị sống tại nhà riêng số Khóm M, Phường N, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng, sau đó, anh chị bán nhà và về sống tại địa chỉ Khóm H, Phường N, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng anh chị không được hạnh phúc nguyên nhân là do anh T không lo làm ăn mà mê cờ bạc nợ nần nhiều người và có người phụ nữ khác bên ngoài và trong thời gian gần đây, mâu thuẫn của anh chị ngày càng trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm, hôn nhân không thể hàn gắn được nên anh T đã về nhà mẹ ruột sống tại Khóm B, Phường T, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng và đã sống ly thân với chị Ng từ năm 2021 cho đến nay.

Trong quá trình chung sống, anh chị có với nhau hai người con chung là cháu Trần Thị Ngọc Q, sinh ngày 26/9/2013 và cháu Trần Đình Ph, sinh ngày 19/11/2014 hiện nay các cháu đang sống cùng với chị Ng.

Về tài sản chung: Chị Ng trình bày tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị Ng trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay chị Trương Thị Ng yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: chị Trương Thị Ng xin được ly hôn với anh Trần Văn T.

- Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: sau khi ly hôn, chị Ng đề nghị được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Thị Ngọc Q và cháu Trần Đình Ph cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và chị Ng không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Chị Ng trình bày tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị Ng trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên đơn cung cấp tài liệu chứng cứ gồm: giấy chứng nhận kết hôn, giấy khai sinh cháu Trần Thị Ngọc Q và cháu Trần Đình Ph.

- Bị đơn anh Trần Văn T vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án, không gửi văn bản nêu ý kiến hay có yêu cầu phản tố đối với yêu cầu của nguyên đơn nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn.

- Tại biên bản ghi ý kiến của cháu Trần Thị Ngọc Q, sinh ngày 26/9/2013 và cháu Trần Đình Ph ngày 18/3/2022 các cháu trình bày: Cháu Q, cháu Ph hiện đang sống cùng mẹ rất vui và đang đi học, nếu cha mẹ không còn chung sống cùng nhau thì các cháu muốn sống cùng với mẹ.

- Tại Biên bản xác minh ngày 14/02/2022 của Tòa án về nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng chị Ng và anh T: nguyên nhân mâu thuẫn, phát sinh tranh chấp của vợ chồng anh T và chị Ng Ban nhân dân Khóm H, Phường N, thành phố ST không biết sự việc.

- Tại Biên bản xác minh ngày 14/02/2022 của Tòa án về tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị Ng và anh T ngày 14/02/2022, bà Trần Kim L, sinh năm 1953. Địa chỉ: Khóm B, Phường T, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng (mẹ ruột của anh T) cung cấp như sau: *“Anh T là con ruột của bà L, vào năm 2013 anh T và chị Ng kết hôn với nhau, hôn nhân là tự nguyện không ai ép buộc. Sau khi kết hôn thì anh T và chị Ng sống tại nhà chị Ng, hôn nhân lúc đầu hạnh phúc và có 02 người con chung gồm cháu Q và cháu Ph. Đến giữa năm 2021 thì anh T và chị Ng phát sinh nhiều mâu thuẫn và sống ly thân cho đến nay. Về nguyên nhân mâu thuẫn thì bà L có nghe chị Ng nói lại là anh T có bồ bịch bên ngoài, còn anh T thì không có nói gì với bà L. Hiện tại thì cháu Q và cháu Ph đang sống cùng với chị Ng”*.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tham gia phiên tòa trình bày ý kiến:

- Việc về tuân thủ pháp luật: Việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trương Thị Ng; Về con chung: Chị Ng được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Trần Thị Ngọc Q và cháu Trần Đình Ph. Về tài sản chung và nợ chung: không đặt ra xem xét giải quyết và buộc chị Ng phải chịu án phí hôn nhân theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trương Thị Ng vắng mặt và có đơn xin vắng mặt và bị đơn anh Trần Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết là phù hợp với quy định

tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 3 Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Trương Thị Ng và anh Trần Văn T tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã TK, huyện LP, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 149/2011 ngày 30/6/2011 nên quan hệ hôn nhân giữa chị Ng và anh T là hợp pháp, được pháp luật công nhận. Tuy nhiên, trong thời gian chung sống, chị Ng và anh T đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh chị tranh cãi dẫn đến cuộc sống vợ chồng không được hạnh phúc, không hàn gắn được tình cảm nên đã sống ly thân khoảng đầu năm 2021 cho đến nay. Từ đó cho thấy quan hệ hôn nhân của chị Ng và anh T đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Vì vậy, xét yêu cầu xin ly hôn của chị Ng là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung

Về con chung: trong thời gian chung sống, chị Trương Thị Ng và anh Trần Văn T có với nhau hai người con chung tên Trần Thị Ngọc Q (nữ), sinh ngày 26/9/2013 và Trần Đình Ph (nam), sinh ngày 19/11/2014. Từ khi chị Ng và anh T sống ly thân cho đến nay, cháu Q, cháu Ph do chị Ng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Do vậy, để đảm bảo sự chăm sóc, giáo dục tốt cho các cháu, hạn chế ảnh hưởng đến cuộc sống hiện tại của các cháu và cũng phù hợp với nguyện vọng cháu Q và cháu Ph, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Ng là giao cháu Q và cháu Ph cho chị Ng tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Ng trình bày chị đảm bảo được thu nhập kinh tế để có thể tự một mình nuôi con mà không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Trong quá trình giải quyết, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã giải thích về quyền yêu cầu của chị Ng cũng như nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của anh T nhưng chị Ng khẳng định không yêu cầu, do chị Ng không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Ngoài ra, căn cứ vào khoản 3 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Chị Trương Thị Ng trình bày tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Chị Trương Thị Ng xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Trương Thị Ng phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Trần Văn T không phải chịu án phí.

[7] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng về quan điểm giải quyết vụ án là có căn cứ pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 3 Điều 235, Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị Ng và anh Trần Văn T được ly hôn.

2. Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung:

- Giao cháu Trần Thị Ngọc Q (nữ), sinh ngày 26/9/2013 và Trần Đình Ph (nam), sinh ngày 19/11/2014 cho chị Trương Thị Ng được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Anh Trần Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị Trương Thị Ng không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung: Chị Trương Thị Ng trình bày tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị Trương Thị Ng xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Trương Thị Ng phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000175 ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Chị Trương Thị Ng đã nộp xong án phí.

Anh Trần Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo bản án: Chị Trương Thị Ng, anh Trần Văn T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND thành phố Sóc Trăng;
- Chi Cục THADS thành phố Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- UBND xã Trường Khánh, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Trúc Phương